

V/v: báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm
2021 về lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện công văn số 2240/SXD-PTĐT&HTKT ngày 21/06/2021 của Sở Xây dựng về việc báo cáo định kỳ 6 tháng năm 2021 về lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật, UBND thị xã Hương Trà báo cáo cụ thể như sau:

I. Về Cấp nước sạch: (Có Phụ lục 1 đính kèm).

a. Nguồn nước:

Nguồn nước được lấy từ sông Bồ, tại vị trí Km 17 phường Tứ Hạ, trữ lượng dồi dào, nhưng chất lượng nước ngày càng suy giảm do nước thải đô thị.

b. Nhà máy xử lý nước Tứ Hạ:

Nhà máy nước Tứ Hạ có công suất thiết kế 12.000m³/ngđ, mặc dù được cải tạo nâng công suất năm 2004, và 2017 (16.000m³/ngđ) song đây chỉ là giải pháp tình thế đáp ứng cho nhu cầu trước mắt, do nhà máy có diện tích đất nhỏ, nằm trong Quy hoạch mở rộng đường của Thị xã, bể chứa hiện tại chỉ có thể tích 500m³ (so với yêu cầu phải đạt ít nhất 50% công suất xử lý, tương đương 8.000m³), nguồn nước hạ lưu sông Bồ có chất lượng ngày càng suy giảm.

c. Mạng lưới đường ống cấp nước chính:

Đến nay mạng đường ống cấp nước truyền tải và phân phối đã được đầu tư trên 400 km đường ống và đã được nối tiếp với mạng lưới cấp nước thành phố Huế tại tuyến ống DN300 Hương Vinh dọc theo DT8 về đến Sịa và theo tỉnh lộ 11 trở lại Quốc lộ 1A để đến NMN Tứ Hạ. Đồng thời đã có tuyến ống DN300-400 từ thị trấn Tứ Hạ qua cầu Tứ Phú đến xã Quảng Vinh để tăng áp cho Thị trấn Sịa và các tuyến truyền tải Dự án ADB dọc theo QL1A, DT8B tăng áp cho Hương Toàn, Hương Chũ.

II. Về Thoát nước mưa và Thoát nước thải:

- Thoát nước mưa: Hiện nay trên địa bàn thị xã Hương Trà hệ thống thoát nước mưa chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên, hệ thống thoát nước được đầu tư chủ yếu là thoát nước mặt đường kết hợp với thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước thải: Chủ yếu là kết hợp với hệ thống thoát nước mặt đường, chưa đầu tư hệ thống nước thải riêng biệt.

III. Về Nghĩa trang (trừ Nghĩa trang liệt sĩ):

Hiện nay, trên địa bàn thị xã mới chỉ có 03 khu nghĩa trang được quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch, gồm có: Nghĩa trang nhân dân phường Tứ Hạ quy mô hiện trạng 2,0ha; Nghĩa trang tại Long Khê, phường Hương Vân quy mô 1,43 ha; Nghĩa trang tại phường Hương Văn (đang xây dựng) quy mô diện tích khoảng 4,7ha. Còn lại hầu hết là các khu nghĩa địa chưa có quy hoạch chi tiết để thực hiện.

Qua kiểm tra, theo dõi, ranh giới các khu nghĩa địa, nghĩa trang trên địa bàn thị xã vẫn ổn định, không có tình trạng tự ý lấn chiếm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp để chôn cất, mở rộng nghĩa địa, nghĩa trang và không có tình trạng tạo quỹ đất, kinh doanh đất chôn mồ mã bất hợp pháp.

Một số hạn chế, tồn tại

- Do chưa có quy hoạch tổng thể hệ thống nghĩa trang trên địa bàn thị xã nên việc quản lý nghĩa địa, nghĩa trang chưa được thống nhất, mỗi xã, phường thực hiện một cách khác nhau.

- Nhiều mồ mã trong khu vực dân cư, đất sản xuất do quá trình lịch sử để lại đến nay các địa phương chưa có kế hoạch di dời cụ thể.

- Nhiều địa phương vẫn chưa làm tốt công tác quản lý việc chôn cất, xây dựng mồ mã; người dân chôn cất, an táng người qua đời thường mang tính tự phát chưa có sự tham gia định hướng, quản lý của chính quyền; vẫn còn tồn tại tình trạng chôn cất, xây dựng mồ mã mới trong khu vực nghĩa địa đã đóng cửa.

- Hầu hết các khu nghĩa địa, nghĩa trang ở các địa phương chưa có quy hoạch chi tiết để thực hiện nên việc chôn cất, xây dựng mồ mã rất lộn xộn.

IV. Về chất thải rắn (CTRSH, CTRXD, CTRCNTT và bùn thải)

1. Tình hình triển khai thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn:

Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã được triển khai thực hiện theo 02 mô hình cụ thể như sau:

*** Mô hình 1:**

- Được triển khai thực hiện tại địa bàn 07 phường và 04 xã: Tứ Hạ, Hương Vân, Hương Văn, Hương Xuân, Hương Chũ, Hương An, Hương Hồ, Hương Vinh, Hương Toàn, Hương Phong, Hải Dương. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải được ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế đảm nhận. Riêng phường Tứ Hạ có hợp đồng thêm công tác vệ sinh môi trường quét rác lòng đường, vỉa hè các tuyến đường phố chính.

- UBND các phường, xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát công tác thu gom rác thải thuộc địa bàn mình quản lý, phối hợp với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế xác nhận khối lượng rác thu gom, vận chuyển, xử lý để làm căn cứ nghiệm thu thanh toán.

- Công tác thu gom rác thải sinh hoạt được thực hiện bằng thủ công và xe tải nhỏ tại các tuyến đường với tần suất thu gom rác 02 hoặc 03 ngày/tuần tùy thuộc vào mật độ dân cư và nhu cầu thu gom thực tế tại cơ sở. Thời gian thu gom rác: sáng từ 7h30 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h00.

*** Mô hình 2:**

Đề án triển khai thực hiện tại địa bàn 04 xã: Hương Thọ, Bình Thành, Bình Tiên, Hương Bình. Việc thu gom rác được giao cho UBND các xã đảm nhận và đưa rác vào các âu thuyền tại vị trí tập kết để Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Huế vận chuyển và xử lý; UBND các xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý công tác thu gom rác thải thuộc địa bàn quản lý, giám sát, phối hợp với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Huế xác nhận khối lượng rác thực tế vận chuyển để làm căn cứ nghiệm thu thanh toán.

- Công tác thu gom rác thải sinh hoạt được thực hiện bằng thủ công và xe đẩy tại các tuyến đường với tần suất thu gom rác 02 hoặc 03 ngày/tuần tùy thuộc vào mật độ dân cư. Thời gian thu gom rác: sáng từ 7h30 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h00.

Kết quả qua 05 năm triển khai thực hiện từ năm 2016 đến năm 2020, Đề án thu gom, vận chuyển xử lý rác đã tổ chức thu gom được 83.381 tấn, nâng tỷ lệ thu gom xử lý rác thải trên địa bàn thị xã đến năm 2020 đạt 91% (Đô thị đạt 96%, nông thôn đạt 87%).

*** Nơi xử lý và phương pháp xử lý rác:** Rác thải sinh hoạt được Công ty Cổ phần môi trường và Công trình đô thị Huế vận chuyển, xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại bãi rác phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy.

*** Đối với cơ sở chất thải rắn xây dựng:** Căn cứ Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 09/11/2017 về triển khai thực hiện quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì mỗi đơn vị cấp huyện phải chọn cơ sở xử lý CTRXD với quy mô khoảng 01 ha. UBND thị xã Hương Trà đã có Công văn số 2296/UBND-QLĐT ngày 13/9/2017 gửi UBND tỉnh và Sở Xây dựng đề xuất khu vực làm cơ sở xử lý CTRXD tại Tiểu khu 114, xã Hương Bình, thị xã Hương Trà.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của đa số người dân về công tác bảo vệ môi trường đã được nâng cao, tuy nhiên vẫn còn một số người dân chưa ý thức được việc giữ gìn vệ sinh môi trường, cũng như việc nộp giá dịch vụ thu gom rác thải theo quy định, vẫn còn tình trạng vứt rác bừa bãi làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.

- Một số phường, xã vẫn còn tính chủ quan, ỷ lại, chưa huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa, chưa thực hiện nghiêm túc việc báo cáo tình hình quản lý và việc thu nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải theo quy định; công tác triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác tại các xã, phường còn

quá chậm dẫn đến kết quả thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã đến nay vẫn chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

- Quyết định số 94/2017/QĐ-UBND không quy định chế độ miễn, giảm cho các đối tượng chính sách nên các xã, phường gặp nhiều khó khăn trong việc thu giá dịch vụ rác đối với các đối tượng này.

- Đối với CTRXD hiện nay chưa có cơ sở xử lý; chủ yếu các tổ chức và người dân vận chuyển CTRXD và tự ý đổ ở các nơi có vùng đất trũng, vùng không có người dân sinh sống.

V. Cấp điện và Điện chiếu sáng: Chỉ tiêu cấp điện và điện chiếu sáng

ST T	Danh mục chỉ tiêu cấp điện và điện chiếu sáng	Đơn vị tính	Tính đến ngày 30/12/2020	Ghi chú
Thị xã Hương Trà				
1	Số trạm cấp điện	Trạm	227	
2	Tổng công suất lắp đặt các trạm điện	KVA	49.870	
3	Tổng nhu cầu sử dụng điện đô thị	MW	31,4	
4	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị	KWh/ng/năm	1.784,36	
5	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng	%	91,6	

VI. Giao thông đô thị: Chỉ tiêu giao thông đô thị

STT	Danh mục chỉ tiêu thống kê giao thông	Đơn vị	Tính đến ngày 30/12/2020	Ghi chú
Thị xã Hương Trà				
1	Tổng chiều dài đường chính đô thị	km	81,72 (Đường CM Tháng 8, đường Kim Phụng, đường QL	

			49B, đường Tỉnh 4, đường Lê Đức Thọ, đường tỉnh 8B, đường tỉnh 12B, đường tỉnh 16, đường tỉnh 19)
2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng đô thị	%	9,27
3	Mật độ đường trong khu vực nội thị	km/km ²	10,53
4	Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /người	24,45

VII. Công tác lập quy hoạch về diện tích cây xanh- giao thông đô thị - nghĩa trang:

Danh mục cây xanh bóng mát trồng trên đường phố, công viên - vườn hoa và các khu vực công cộng khác thuộc khu vực đô thị trên địa bàn cấp huyện

TT	Tên đường, khu vực trồng cây	Danh sách các loại cây		Cây trồng trên đường phố		Cây trồng công viên, vườn hoa	Cây trồng các khu vực công cộng khác	Chiều cao cây (m)	Đường kính tán cây (m)	Đường kính thân cây (m)	Năm trồng cây	Tình hình cây
		TT cây	Tên cây	Via hè	Dãi phân cách							
I	Trục đường											Phát triển bình thường
1	Cách mạng Tháng Tám	406	Nhạc Ngựa+ phượng	x				7-9	5	0,10-0,15	2010	
2	Sông Bồ(TDP 7-8)	238	Phượng + bằng lăng	x				8-13	5-6	0,15-0,20	2005	
3	Sông Bồ (TDP 3-6)	380	Sao đen + Nhội	x				4-5	3	0,5-0,10	2013	
4	Thống nhất	260	Bằng lăng	x				4-10	3-6	0,07-0,15	2010	
5	Độc Lập	264	Viết + Nhạc ngựa	x	x			4-8	3-5	0,07-0,10	2010-2010	
6	Lê Thái Tổ		Sao đen	x				4-8	3-5	0,07-0,10	2016	
7	Hoàng Trung	84	Bằng lăng	x				3-7	3-5	0,07-0,10	2010	
8	Bừu Kế	314	Sao đen + Nhội	x				4-5	3	0,05-0,10	2013	
9	Lý Thái Tông	60	Sưa trắng	x				5-8	3-5	0,10-0,15	2007	
10	Đình Bộ Lĩnh	45	Nhội	x				5-8	3-5	0,10-0,15	2007	

11	Bùi Công Trùng	33	Lim xẹt	x				5-8	3-5	0,10-0,15	2007	
12	Ngọc Hân Công chúa	32	Hoàng Yên+ N Ngựa	x				6-12	3-6	0,10-0,15	2007	
13	Trần Quốc Tuấn	142	Hoàng Yên + Viết	x				5-7	2-4	0,07-0,10	2012	
14	Lê Hoàn	125	Phượng	x				8-13	4-8	0,20-0,3	2008	
15	Trần Thánh Tông	84	Bằng lăng	x				7-10	4-6	0,15-0,20	2007	
16	Lý Bôn	105	Đuôi Công	x				8-13	6-8	0,20-0,3	2007	
17	Phan Sào Nam	62	Nhội	x				5-8	3-5	0,10-0,15	2007	
18	Nguyễn Hiền	73	Dầu rái	x				7-10	4-6	0,10-0,20	2007	
19	Lê Mậu Lệ	22	Viết	x				4-5	3	0,07-0,10	2013	
20	Lê Sỹ Thận	26	Viết + Nhạc ngựa	x				4-5	3	0,07-0,10	2010	
21	Lê Quang Hoài	32	Viết	x				4-5	3	0,07-0,10	2013	
22	Kim Trà	388	Nhạc Ngựa	x				5-8	3-5	0,10-0,15	2014	
23	Võ Hoành	19	Viết	x				4-5	3	0,07-0,10	2013	
24	Tổng phước Trị	78	Viết	x				3-5	3	0,70-0,10	2013	
25	Lâm Hồng Phần	38	Nhội	x				3-5	3	0,70-0,10	2014	
26	Hà Thế Hạnh	38	Viết	x				3-5	3	0,70-0,10	2014	
27	Lý Thái Tổ	36	Nhội	x				3-5	3	0,70-0,10	2013	
28	Võ Bá Hạp		Sao đen	x				3-5	3	0,70-0,10	2014	
29	Phú Ốc		Sao đen	x				3-5	3	0,07-0,10	2014	
30	Lê Thái Tổ (nổi dài)		Dầu rái	x				3-5	3	0,7-0,10	2013	
31	Tô Hiệu		Xà cừ + bằng lăng	x				3-5	4-6	15-20	2012	

32	Các trục đường trong KDC Ruộng Cà		Nhạc ngựa+xà cừ	x				2-4	1-2	5-15	2015	
33	Các trục đường trong KDC Ân Nam		Bàng Đài Loan	x				4-6	3-5	5-10	2011	
34	Đường vào khu dân Tứ Hạ		Lát hoa	x				5-8	3-5	10-12	2017	
II	Công viên											
1	Công viên Hoàng Trung	28	Lộc Vừng			x		3,-5	3	0,07-0,10	2015	
2	Công viên Trung Tâm	140	Lộc vừng, Sung, Xanh, Sao đen, Osaka...			x		3,-8	3-5	0,07-0,20	2013	
III	Khu vực công cộng khác											Phát triển bình thường
1	Trụ sở UBND các phường						x					
2	Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ	32	Vú sữa, Sưa, Cau ...				x					

Báo cáo về công tác lập quy hoạch về diện tích cây xanh - giao thông đô thị và nghĩa trang

TT	Tên quy hoạch	Năm phê duyệt	Diện tích (ha)		Dân số (người)		Số liệu đất đai theo quy hoạch được duyệt (ha)			Số liệu đất đai tại thời điểm báo cáo		
			Toàn đô thị	Phê duyệt	Toàn đô thị	Nội thị	Đất cây xanh	Đất giao thông	Đất nghĩa trang	Đất cây xanh	Đất giao thông	Đất nghĩa trang
I	Quy hoạch chung											
	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	2009		3.053	35.000	8.038	315,8	535,7	11,9	3,31	976,6	272,4
II	Quy hoạch phân khu											
1	Quy hoạch phân khu trung tâm phường Hương Văn	2017		182		10.000	26,85	42,86	0	0,65	17,24	11,45
III	Quy hoạch chi tiết											
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tứ Hạ - Hương Văn	2017		11,9		1.400	15.469,5	34.861,5	0	0	9.361	395
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Tây Nam Quốc lộ 1A, phường Tứ Hạ	2019		19,6		1.800	1,83	6,94	0	0	3,31	0,048

3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm phường Hương Xuân	2019		32,6		2.500-3.000	3,16	12,36	0,18	0	1,59	5,8
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm phường Hương Chữ	2019		32,29			4,63	11,51	0	0	3,23	0,93

Trên đây là báo cáo định kỳ 6 tháng năm 2021 về lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật của UBND thị xã Hương Trà, đề nghị Sở Xây dựng theo dõi và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Chủ tịch, PCT UBND thị xã;
- Phòng QLĐT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**